

*

Thu Lũm, ngày 12 tháng 12 năm 2025

Số 02-NQ/ĐU

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ
VỀ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG BỀN VỮNG GẮN VỚI PHÁT TRIỂN
CÂY DƯỢC LIỆU DƯỚI TÁN RỪNG, GIAI ĐOẠN 2025- 2030

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-ĐH, ngày 17/08/2025 của Đại hội Đại biểu Đảng bộ xã Thu Lũm lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030;

Ban Chấp hành Đảng bộ xã ban hành Nghị quyết về bảo vệ và phát triển rừng bền vững gắn với phát triển cây dược liệu dưới tán rừng giai đoạn 2025- 2030, cụ thể như sau:

I- THỰC TRẠNG VỀ PHÁT TRIỂN RỪNG BỀN VỮNG GẮN VỚI PHÁT TRIỂN CÂY DƯỢC LIỆU DƯỚI TÁN RỪNG

Xã Thu Lũm có tổng diện tích đất tự nhiên là 25.155,11 ha, trong đó: đất nông nghiệp là 22.371,75 ha chiếm 88,93% diện tích tự nhiên; đất phi nông nghiệp 520,56 ha chiếm 2,07% diện tích tự nhiên; đất chưa sử dụng 2.262,80 ha chiếm 9% diện tích tự nhiên. Phía Tây và phí Bắc giáp Trung Quốc; phía Nam giáp xã Mường Tè và xã Mù Cả; phía Đông giáp xã Pa Ủ và xã Mường Tè.

Địa hình của xã phần lớn là núi cao trung bình từ 700 - 1900 m. Có độ dốc tương đối lớn, có nhiều suối nằm rải rác trên địa bàn xã. Khí hậu của xã mang đặc điểm của vùng nhiệt đới núi cao Tây Bắc, ít chịu ảnh hưởng của bão, thời tiết quanh năm chia thành 2 mùa rõ rệt: Mùa đông lạnh, mưa ít; mùa hạ nóng ẩm, mưa nhiều.

Trong những năm qua, Đảng ủy xã đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp về công tác bảo vệ và phát triển rừng, diện tích rừng tự nhiên được quản lý chặt chẽ, diện tích rừng trồng tăng. Trong giai đoạn 2021-2025, bên cạnh các cơ chế, chính sách của trung ương, của tỉnh, cũng đã có nhiều cơ chế khuyến khích, hỗ trợ tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân và người dân địa phương đầu tư phát triển trồng rừng gắn với trồng cây dược liệu dưới tán rừng. Xã có diện tích rừng tự nhiên 20.592,53ha (trong đó rừng phòng hộ 17.387,83ha; rừng sản xuất 3.204,70ha; rừng mục đích khác 202,50 ha); diện tích có cây

gỗ tái sinh trong quy hoạch lâm nghiệp. Về trồng rừng và dược liệu dưới tán rừng đạt được kết quả đã thực hiện 370,9 ha sa nhân tím, 145,12ha quế, ớt Trung đoàn 2,35ha, cây xả 557,9ha và một số cây trồng khác. Vùng có độ cao từ 1.500 m trở lên tại các bản U Ma, Pa Thắng, Lò Ma.; Tập trung phát triển một số loại cây công nghiệp, dược liệu (*thảo quả 465,8ha, sâm Lai châu 02ha...*) và một số loại cây trồng khác gắn với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, bảo vệ đường biên, mốc giới.

Tuy nhiên, công tác trồng rừng, phát triển cây dược liệu trên địa bàn còn có những hạn chế nhất định, đó là: Công tác quy hoạch phát triển lâm nghiệp trên địa bàn chưa được xác lập cụ thể, hình thức sản xuất nhỏ lẻ, tự phát, diện tích rừng trồng còn thiếu tập trung; công tác kiểm soát giống cây lâm nghiệp chưa được quan tâm đúng mức, nguồn cây giống còn phụ thuộc bên ngoài; việc áp dụng khoa học, kỹ thuật trong công tác trồng rừng còn hạn chế nên chất lượng, trữ lượng rừng trồng không cao. Công tác quản lý, bảo vệ rừng ở một số thời điểm còn chưa thật sự chặt chẽ; tình trạng xâm canh, đốt nương trồng xả trái phép vẫn tiềm ẩn; công tác bảo vệ và chăm sóc rừng sau khi trồng chưa được người dân thực sự quan tâm, một số diện tích rừng trồng tỷ lệ cây sống thấp, cây sinh trưởng, phát triển kém.

Phát triển cây dược liệu dưới tán rừng còn manh mún, thiếu quy hoạch tổng thể, chưa hình thành được vùng sản xuất tập trung. Liên kết sản xuất – chế biến – tiêu thụ sản phẩm dược liệu còn hạn chế, chủ yếu thực hiện với quy mô hộ gia đình, đầu ra sản phẩm chưa bền vững, chưa thu hút được doanh nghiệp đầu tư. Nguồn lực đầu tư cho bảo vệ và phát triển rừng, nhất là trồng dược liệu còn hạn chế; trình độ kỹ thuật của người dân chưa đồng đều.

II- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Bảo vệ và phát triển rừng là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, lâu dài, là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn thể Nhân dân; không đánh đổi diện tích, chất lượng rừng để phát triển kinh tế. Rừng phải được quản lý bền vững, gắn với sinh kế của người dân, đảm bảo vai trò phòng hộ, đặc dụng và sản xuất.

- Phát triển dược liệu dưới tán rừng là bước đi chiến lược: Khai thác tiềm năng, lợi thế về đa dạng sinh học, khí hậu, thổ nhưỡng của xã để phát triển các loài dược liệu bản địa có giá trị kinh tế cao, phù hợp với điều kiện sinh thái và tập quán canh tác của địa phương; vừa bảo vệ rừng, vừa tạo sinh kế bền vững, nâng cao thu nhập, góp phần giảm nghèo bền vững

- Phát triển rừng và dược liệu phải gắn với quy hoạch, bảo vệ môi

trường sinh thái, giữ gìn bản sắc văn hóa và bảo đảm quốc phòng – an ninh, chủ quyền biên giới quốc gia.

- Phát huy sức mạnh tổng hợp: Huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị, sự đồng thuận của Nhân dân, sự vào cuộc của các doanh nghiệp, hợp tác xã và các tổ chức có liên quan để thực hiện thắng lợi nghị quyết.

- Các cấp các ngành từ xã đến cơ sở tăng cường công tác lãnh chỉ đạo, chủ động tuyên truyền, hướng dẫn Nhân dân thực hiện hiệu quả công tác bảo vệ rừng, trồng rừng kinh tế gắn với phát triển cây dược liệu, không trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước.

2. Mục tiêu chung

Bảo vệ vững chắc diện tích rừng hiện có; phát triển rừng bền vững gắn với mở rộng diện tích, nâng cao giá trị cây dược liệu dưới tán rừng, hình thành vùng sản xuất dược liệu tập trung, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông – lâm nghiệp, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống Nhân dân và phát triển kinh tế – xã hội bền vững của xã Thu Lũm đến năm 2030.

3. Mục tiêu đến năm 2030

3.1. Về bảo vệ và phát triển rừng

(1). Tập trung quản lý bảo vệ rừng tự nhiên 20.592,53ha (trong đó rừng phòng hộ 17.387,83ha; rừng sản xuất 3.204,70ha; rừng mục đích khác 202,50ha); diện tích có cây gỗ tái sinh trong quy hoạch lâm nghiệp: 543,91ha nâng độ che phủ rừng đạt 84,29% vào năm 2030. Có phương án bảo vệ rừng được phê duyệt cho 100% diện tích rừng được quản lý.

(2). Tập trung chăm sóc, bảo vệ, khai thác có hiệu quả diện tích rừng trồng các năm trước đây với trên 96,25 ha. Giai đoạn từ năm 2025 đến 2030, phấn đấu trồng mới 100 ha rừng (bình quân mỗi năm trồng trên 20 ha) tập trung chủ yếu tại các bản có độ cao dưới 900 m (*Cây lâm nghiệp, cây quế*) tại 17/17 bản.

(3). Tổ chức khoanh nuôi, tái sinh rừng tự nhiên và trồng rừng bổ sung rừng trồng theo kế hoạch hằng năm.

3.2. Phát triển dược liệu dưới tán rừng

(1). Cây sa nhân tím: Duy trì và nâng cao hiệu quả trên 370,9 ha hiện có; từng bước mở rộng vùng trồng tại các bản nơi có độ ẩm cao, thảm mục dày, phù hợp với sinh trưởng của cây. Mục tiêu đến năm 2030 đạt năng suất bình quân 12–15 tạ/ha, sản lượng đạt 400–500 tấn quả khô/năm.

(2). Cây thảo quả: Ổn định diện tích 465,8 ha, tập trung ở các khu rừng có độ cao trên 1.000 m, khí hậu mát ẩm quanh năm. Tiếp tục khôi phục

các khu vực thảo quả bị suy giảm (bản U Ma và bản Pa Thắng), nâng năng suất bình quân đạt 10–12 tạ/ha, sản lượng đạt khoảng 500 tấn quả khô/năm. Khuyến khích phát triển mô hình “rừng – thảo quả – sinh kế bền vững”, gắn với gìn giữ tập quán canh tác truyền thống và bảo vệ rừng đầu nguồn.

(3). Cây Sâm Lai Châu: Phát triển thành vùng dược liệu đặc hữu của xã, giai đoạn 2025–2030 phấn đấu trồng mới 50 ha Sâm Lai Châu, tập trung tại các bản nơi có độ cao trên 1200 m và độ ẩm phù hợp. Hình thành mô hình trồng Sâm Lai Châu dưới tán rừng gắn với cấp mã vùng, chứng nhận tiêu chuẩn hữu cơ, tạo thương hiệu.

(4). Phấn đấu trồng trên 10ha các cây dược liệu khác như Sói Rừng, Đẳng Sâm, Thất diệp nhất chi hoa...

(5). Phấn đấu đến năm 2030, hình thành vùng trồng dược liệu tập trung gắn với cấp mã vùng, chứng nhận sản phẩm OCOP, tiến tới xây dựng chuỗi liên kết từ trồng – thu hái – chế biến – tiêu thụ sản phẩm, tạo việc làm ổn định và thu nhập bền vững cho người dân.

(6). Tối thiểu 70% diện tích trồng dược liệu áp dụng quy trình thực hành nông nghiệp tốt (GACP – WHO) hoặc tương đương.

(7). Tối thiểu 70% hộ tham gia trồng dược liệu có hợp đồng liên kết sản xuất, bao tiêu sản phẩm với các doanh nghiệp, hợp tác xã.

(8). Hình thành ít nhất 01 hợp tác xã hoặc tổ hợp tác xã sản xuất dược liệu hoạt động hiệu quả, có khả năng liên kết với doanh nghiệp chế biến.

III- NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Về công tác bảo vệ và phát triển rừng bền vững

Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng theo phương châm “Giữ rừng như giữ của, giữ rừng là giữ nguồn sống”. Cùng cố, phát huy vai trò của Tổ bảo vệ rừng cộng đồng, Tổ phòng cháy, chữa cháy rừng, gắn trách nhiệm của người dân, trưởng bản, bí thư chi bộ trong việc tuần tra, ngăn chặn khai thác gỗ, lâm sản trái phép và các hành vi xâm hại rừng.

Tổ chức khoanh nuôi, xúc tiến tái sinh tự nhiên đối với rừng tự nhiên bị suy thoái; đẩy mạnh trồng rừng phòng hộ, rừng cây gỗ lớn kết hợp cây dược liệu nhằm nâng cao độ che phủ và giá trị sinh thái. Hằng năm, phấn đấu trồng mới từ 20–25 ha rừng, trong đó ưu tiên trồng rừng sản xuất có giá trị kinh tế cao, kết hợp trồng cây sa nhân, thảo quả, sâm Lai Châu dưới tán.

Phát triển mô hình “rừng xanh – dược liệu sạch – sinh kế bền vững”, khuyến khích hộ gia đình, hợp tác xã, doanh nghiệp tham gia trồng xen cây dược liệu dưới tán rừng để vừa bảo vệ rừng vừa tạo nguồn thu ổn định.

Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ trong theo dõi, giám sát diễn biến tài nguyên rừng bằng các công cụ số (ảnh viễn thám, GIS); xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về rừng và cây dược liệu phục vụ công tác quy hoạch, quản lý lâu dài.

Phối hợp với lực lượng Biên phòng, Kiểm lâm, và các bản trong công tác tuần tra, bảo vệ rừng khu vực biên giới, ngăn chặn tình trạng vận chuyển, buôn bán lâm sản, dược liệu qua biên giới trái phép.

Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục cộng đồng, vận động Nhân dân thay đổi nhận thức, chuyển từ “khai thác rừng” sang “bảo vệ và hưởng lợi từ rừng”; gắn việc bảo vệ rừng với thực hiện các phong trào thi đua yêu nước, xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững.

Lồng ghép nguồn lực từ các chương trình mục tiêu quốc gia, chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng và chương trình phát triển dược liệu của tỉnh để hỗ trợ Nhân dân trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng hiệu quả, thiết thực.

Phấn đấu đến năm 2030, xã Thu Lũm trở thành điểm kiểu mẫu của tỉnh về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng gắn với trồng cây dược liệu dưới tán – vừa giữ rừng xanh, vừa làm giàu cho dân, góp phần giữ vững an ninh biên giới quốc gia.

Nâng cao hiệu quả công tác chi trả dịch vụ môi trường rừng, gắn với trách nhiệm bảo vệ rừng của cộng đồng và các chủ rừng.

2. Về phát triển cây dược liệu dưới tán rừng

Tổ chức quy hoạch vùng trồng dược liệu tập trung, ưu tiên những diện tích có thảm rừng tự nhiên phục hồi tốt, độ che phủ cao, đất ẩm và độ dốc phù hợp. Tận dụng lợi thế sinh thái đặc trưng phát triển các cây dược liệu đặc hữu như Sa nhân tím, Thảo quả, Sâm Lai Châu, Sói rừng, Đảng sâm, Thất diệp nhất chi hoa...

Tăng cường ứng dụng khoa học kỹ thuật, hướng dẫn người dân trồng, chăm sóc, thu hái, sơ chế dược liệu theo quy trình chuẩn VietGAP và hữu cơ; khuyến khích sử dụng chế phẩm sinh học thay thế thuốc hóa học, bảo vệ môi trường rừng và nguồn nước.

Hỗ trợ xây dựng các mô hình điểm để nhân rộng; khuyến khích thành lập tổ hợp tác, hợp tác xã trồng dược liệu làm cầu nối liên kết giữa người dân và doanh nghiệp chế biến, tiêu thụ.

Phối hợp với các sở, ngành, viện nghiên cứu và doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh để nghiên cứu, chọn lọc giống sa nhân tím và thảo quả năng suất cao, chất lượng tốt, thích ứng với biến đổi khí hậu; đồng thời xây dựng

trung tâm ươm giống tại địa phương nhằm cung cấp cây giống ổn định, giảm chi phí cho người dân.

Tăng cường xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm tại các hội chợ dược liệu, hội chợ OCOP cấp tỉnh, khu vực.

3. Về đất đai

Thực hiện tốt công tác quy hoạch rừng và đất lâm nghiệp, khảo sát điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu để xác định, phân vùng trồng rừng phù hợp với từng loài cây. Rà soát diện tích đất lâm nghiệp đã giao cho hộ gia đình nhưng không sử dụng, đề xuất biện pháp thu hồi, điều chỉnh cho các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình khác có nhu cầu sử dụng vào mục đích trồng rừng gắn với phát triển cây dược liệu.

Rà soát diện tích đất chưa có rừng do cộng đồng các bản và chính quyền xã đang quản lý để tạo điều kiện thuận lợi cho các cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp thuê đất trồng rừng, phát triển cây dược liệu, xây dựng cơ sở chế biến, tiêu thụ sản phẩm.

4. Về giống, kỹ thuật

Liên kết, hợp tác với các trung tâm giống cây trồng trong và ngoài tỉnh nghiên cứu, ứng dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật trong công tác phát triển rừng, đặc biệt là giống và quy trình trồng, chăm sóc, bảo vệ để tăng năng suất, chất lượng rừng; hướng dẫn người dân áp dụng các biện pháp kỹ thuật trong thâm canh rừng, phát triển rừng theo tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững, phát triển cây dược liệu; đẩy mạnh thực hiện các mô hình liên kết giữa doanh nghiệp và người dân trong việc trồng, chăm sóc, chế biến để tạo đầu ra ổn định cho sản phẩm từ rừng và dược liệu.

Khuyến khích các tổ chức, cá nhân xây dựng vườn ươm giống cây lâm nghiệp chất lượng cao trên địa bàn để sản xuất cây giống tại chỗ, cung ứng cho người dân địa phương nhằm hạn chế chi phí vận chuyển và đảm bảo chất lượng cây trồng; kiểm soát, quản lý chặt chẽ giống cây lâm nghiệp theo đúng các quy định của Nhà nước.

Trung tâm dịch vụ tổng hợp xã và lực lượng khuyến nông xã, khuyến nông bản làm nòng cốt trong công tác chỉ đạo, hướng dẫn chuyển giao kỹ thuật cho Nhân dân, hằng năm tổ chức các lớp tập huấn về quy trình kỹ thuật cho Nhân dân tham gia thực hiện.

5. Về hạ tầng kỹ thuật

Thực hiện rà soát đề xuất dự án hạ tầng thiết yếu vùng sản xuất dược liệu tại các khu vực được quy hoạch.

Quy hoạch giao thông phải tuân thủ quy định bảo vệ rừng, hạn chế tối đa việc mở đường gây chia cắt, tác động tiêu cực đến hệ sinh thái rừng. Ưu tiên các giải pháp giao thông thân thiện môi trường, tận dụng các lối mòn sẵn có, tránh phá rừng tự nhiên, đảm bảo hài hòa giữa phát triển kinh tế (vận chuyển nhanh) và bảo vệ rừng (hạn chế tác động môi trường, không phá rừng), tạo sinh kế bền vững cho người dân, đảm bảo thu hoạch hiệu quả và tạo sản phẩm dược liệu chất lượng cao.

6. Về cơ chế chính sách

Hỗ trợ phát triển vùng trồng rừng, dược liệu tại dự án 3, tiểu dự án 1, 2, Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 5/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 19/5/2024 về phát triển Sâm Lai Châu giai đoạn 2024-2030, định hướng đến năm 2035. Nghị quyết số 12/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của HĐND tỉnh Lai Châu về quy định chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh và nguồn vốn xã hội của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp để đầu tư phát triển vùng trồng rừng, Sâm Lai Châu và các loài dược liệu quý, xây dựng cơ sở hạ tầng, nhà máy sơ chế, chế biến các sản phẩm dược liệu trên địa bàn.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đảng ủy xã lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện việc triển khai thực hiện Nghị quyết. Phân công các đồng chí trong Ban Thường vụ, Ban Chấp hành phụ trách từng lĩnh vực, từng bản, từng chi bộ chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc tổ chức thực hiện. Đưa nội dung Nghị quyết vào chương trình công tác hằng năm của cấp ủy.

2. Hội đồng nhân dân xã cụ thể hóa Nghị quyết vào các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư công, ngân sách hằng năm; tăng cường giám sát việc triển khai, đặc biệt về hạ tầng vùng sản xuất; thực hiện tốt quy chế dân chủ, lắng nghe, tổng hợp ý kiến nhân dân, tạo sự đồng thuận trong tổ chức thực hiện.

3. Ủy ban nhân dân xã cụ thể hóa Nghị quyết bằng kế hoạch theo từng năm, từng giai đoạn. Chủ động kêu gọi, phối hợp với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển trồng rừng; trồng, chế biến, tiêu thụ sản phẩm dược liệu.

4. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các đoàn thể đẩy mạnh

tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân tích cực tham gia thực hiện Nghị quyết; gắn phong trào thi đua của từng tổ chức với nhiệm vụ Bảo vệ và phát triển rừng bền vững gắn với phát triển cây dược liệu dưới tán rừng.

5. Ủy ban kiểm tra chủ trì, phối hợp với Ban xây dựng Đảng kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

6. Văn phòng Đảng ủy tham mưu cho Ban Thường vụ Đảng ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ xã theo dõi việc triển khai và thực hiện Nghị quyết của các cấp các ngành; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả về Ban Thường vụ Đảng ủy.

Nghị quyết này được phổ biến tới toàn thể cán bộ, đảng viên và Nhân dân các dân tộc trên địa bàn xã./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy, (b/c)
- TT Đảng ủy,
- TT HĐND xã,
- UBND xã,
- Ủy ban MTTQVN xã,
- Các đ/c Ủy viên BCH ĐU xã,
- Các chi bộ trực thuộc,
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể xã,
- Lưu VP ĐU.

**T/M ĐẢNG ỦY
BÍ THƯ**



Nguyễn Trường Giang